TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HSST
Ngày: 19-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Duy Lộc

Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 127/2019/TLST – HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 28 tháng 6 năm 1984 tại Kon Tum;

Nơi ĐKHKTT: Tổ 6, phường Y Đ thành phố P, tỉnh Gia Lai và chỗ ở: Nhà trọ tại Tổ 02, phường P Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N N B, sinh năm 1960 và bà T T K P, sinh năm 1964; bị cáo có chồng là L M H, sinh năm 1982 và có ba con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: 01 lần (Bản án số 165/2018/HSST ngày 13-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017); tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22-7-2019 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kiều T là người có sử dụng ma túy. Ngày 29-6-2019, Tg đến khu vực Bến xe thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum gặp một thanh niên (hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch) mua 01 gói ma túy đá với giá 2.000.000đồng để sử dụng.

Sau đó, Trang mang ma túy về cất giấu tại nhà trọ ở Tổ 2, phường P Đ, thành phố Pu. Tại đây, T đã lấy một ít trong số ma túy đã mua để sử dụng. Dụng cụ mà T sử dụng ma túy là 01 bình nhựa có gắn ống thủy tinh hình móc câu đầu có gắn 01 ống hút nhựa; số ma túy còn lại, T dùng tay rồi sử dụng tuí nilon có sẵn tại nhà trọ để phân chia thành 04 gói nhỏ, rồi cất giấu tại nhà trọ để sử dụng dần. Đến 23 giờ ngày 02-7-2019, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phối hợp với Công an phường P Đ tiến hành kiểm tra thì phát hiện, bắt quả tang T đang tàng trữ 04 gói nilon chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (được niêm phong theo quy định). T khai nhận số ma túy đá này T tàng trữ để sử dụng. Đối với dụng cụ mà T sử dụng ma túy trước đó thì T đã làm rơi vỡ và vứt đi (không rõ vị trí nào) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không thu giữ được.

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số 470/KLGĐ ngày 18-7-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận:

"Chất màu trắng dạng tinh thể trong 04 (bốn) gói nilon trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,4792 gam"

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 131/CT-VKS ngày 22 tháng 8 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kiều T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng, không thay đổi bổ sung gì và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s, n Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều T mức án từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều T: Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 15 tháng tù tại Bản án số 165/2018/HSST ngày 13-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 470/PC09 ngày 18-7-2019, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo lo cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào bản Kết luận giám định số 470/KLGĐ ngày 18-7-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 23 giờ ngày 02-7-2019, tại Tổ 02, phường P Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi Nguyễn Thị Kiều T đang có hành vi tàng trữ 1,4792 gam chất ma túy loại Methamphetamine, với mục đích để sử dụng thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang và thu giữ cùng tang vật. Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện đó là lỗi cố ý, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Về hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kiều T có đủ dấu hiệu cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Đây là vụ án "Tàng trữ trái phép chất ma túy", hành vi của bị cáo được xác định là tội phạm nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội.

[4] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt cụ thể:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T đã bị kết án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Do đó, bị cáo T có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là "Tái phạm" theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, khi phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

[5] Căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Xét mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận ở mức khởi điểm của đề nghị.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt tù mà bị cáo chưa chấp hành tại Bản án số 165/2018/HSST ngày 13-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản" nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, hành vi phạm tội không liên quan đến nghề nghiệp nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, Cơ quan giám định hoàn trả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku trong 01 phong bì niêm phong số 470/PC09 ngày 18-7-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành, tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với đối tượng nam thanh niên là người mà bị cáo Trang khai đã bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo không biết được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh và xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 50; điểm s, n khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều T 2 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều T: Tổng hợp hình phạt 2 năm tù của bản án này với hình phạt 15 tháng tù tại Bản án số 165/2018/HSST ngày 13-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 3 (ba) năm 3 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 470/PC09, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28-8-2019 giữa Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. P;
- Công an Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm